|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT …….**  *(Đề gồm có 01 trang)* | **ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **Môn: Địa lý. Khối: 11**  **Thời gian làm bài: 150 phút** *(Không kể thời gian phát đề)* |

**Họ và tên: ………………………………………...... SBD: ……………………...................**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

-----------------------------------------------------------------------

**Câu 1 ( 4,0 điểm)**

1. Phân tích ảnh hưởng của nhân tố khí áp, địa hình đến lượng mưa.
2. Phân tích ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa. Cần phải làm gì để điều khiển quá trình đô thị hóa?

**Câu 2 ( 4,0 điểm)**

1. Thế nào là nền kinh tế tri thức ? Phân tích tác động của nền kinh tế tri thức đến sự phát triển kinh tế.
2. Báo điện tử Dân trí ra ngày 1/9/2019 ra một bài báo tiêu đề “ Những thành phố đang bị chìm với tốc độ báo động”. Trong bài báo có đoạn viết : “ Inđônêxia tuyên bố sẽ rời thủ đô đến một địa điểm mới 1 phần vì Jakata đang bị biển Java nuôt chửng”.

Em hãy cho biết bài báo đang phản ánh vấn đề gì của môi trường. Trình bày hiểu biết của em về vấn đề đó.

1. Cho biêt ý nghĩa của biểu tượng 60+ trong chương trình Giờ Trái Đất.

**Câu 3 ( 4,0 điểm)**

1. Phân tích những thuận lợi về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở Nhật Bản.
2. So sánh tình hình phát triển hoạt động ngoại thương giữa Hoa Kì và Nhật Bản.

**Câu 4 ( 4,0 điểm)**

1. Chính sách dân số triệt để có tác động như thế nào đến dân số Trung Quốc?
2. Qua 50 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã thu được những thành tựu gì?
3. Trình bày đăc điểm nổi bật của công nghiệp Liên Bang Nga.

**Câu 5 ( 4,0 điểm)**

Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

*(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2013** | **2015** |
| In-đô-nê-xi-a | 755 094 | 917 870 | 912 524 | 861 934 |
| Xin-ga-po | 236 422 | 289 269 | 300 288 | 292 739 |
| Việt Nam | 116 299 | 156 706 | 173 301 | 193 412 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

b. Nhận xét.

**------------------------------- Hết ----------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 ( 4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **Phân tích ảnh hưởng của nhân tố khí áp, địa hình đến lượng mưa.** | | **2,0** |
| **A** | ***Ảnh hưởng của khí áp***  + Khu vực áp thấp: thường mưa nhiều do áp thấp hút gió đẩy không khí lên cao sinh ra mây, mây gặp nhiệt độ thấp sinh ra mưa. | 0,5 |
| + Khu vựa áp cao: thường ít mưa hoặc không mưa. ở các khu áp ao không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thôi di không có gió thổi đến, nên mưa rất ít hoặc khoog mưa. Vì thế dưới các đai áp cao cận chí tuyến thường có những hoang mạc lớn | 0,5 |
|  | ***Ảnh hưởng của địa hình***  + Lượng mưa tăng dần theo cao địa hình chắn gió, nhưng đến độ cao nào đó lượng mưa lại giảm. | 0,5 |
| + Sườn đón gió: mưa nhiều, sườn khuất gió: mưa ít. | 0,5 |

|  |  |
| --- | --- |
| ***b.Phân tích ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa. Cần phải làm gì để điều khiển quá trình đô thị hóa?*** | **2,0** |
| *\*Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.*  - Ảnh hưởng tích cực:  + Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.  + Làm thay đổi sự phân bố dân cư và lao động, thay đổi các quá trình sinh, tử và hôn nhân ở các đô thị…  + Các đô thị có khả năng tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động.  - Ảnh hưởng tiêu cực:dân số tập trung đông gây sức ép cho vấn đề việc làm, nhà ở, an ninh trật tự xã hội, môi trường, …  \* *Biện pháp để điều khiển quá trình đô thị hóa.*  - Đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nông thôn, tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, hạn chế di dân tự phát.  - Phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ quy mô nhỏ nhằm giải quyết việc làm ở thành thị.  - Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị tương xứng với quy mô phát triển đô thị hóa.  - Xây dựng một số thành phố vệ tinh để dãn bớt mật độ dân cư đô thị. | 0,75  0,25  1,0 |

**Câu 2 ( 4,0 điểm)**

**a. Thế nào là nền kinh tế tri thức ? Phân tích tác động của nền kinh tế tri thức đến sự phát triển kinh tế.**

|  |  |
| --- | --- |
| - Khái niệm: Là một loại hình kinh tế mới dựa trên tri thức, kỹ thuật, công nghệ cao. | 0,50 |
| - Tác động đến sự phát triển kinh tế:  + Tốc độ phát triển kinh tế nhanh và ổn định.  + Đảm bảo sự phát triển bền vững.  + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng vai trò của các ngành dịch vụ, những ngành cần nhiều tri thức (ngân hàng, tài chính, bảo hiểm…) chiếm ưu thế tuyệt đối… | 0,50  0,50  0,50 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **B** | * Bài báo nói đến hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu | *0,5 điểm* |
| * Hiểu biết về biến đổi khí hậu toàn cầu   *HS trình bày nguyên nhân, hậu quả và giải pháp của vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu* | *1,0 điểm* |
| **C** | **Cho biêt ý nghĩa của biểu tượng 60+ trong chương trình Giờ Trái Đất**?   * 60 phút kêu gọi tắt điện và dấu + sau số 60 là không chỉ dừng lại ở 60 phút mà còn hơn nữa… | 0,5 |

**Câu 3 ( 4,0 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Phân tích những thuận lợi về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở Nhật Bản.** | | **2,0** | |
| - Đất canh tác màu mỡ (phong hoá từ dung nham núi lửa, bồi tụ từ phù sa sông) => đánh giá | 0,5 | |
| - Khí hậu gió mùa, mưa nhiều, phân hoá bắc – nam ( diễn giải) tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, vật nuôi. | 0,5 | |
| - Vùng biển rộng, ngư trường lớn, nhiều vũng vịnh thuận lợi phát triển ngành thuỷ sản ( đánh bắt và nuôi trồng thủy sản). | 0,5 | |
| - Địa hình nhiều đôi núi với các đồng cỏ => phát triển chăn nuôi. | 0,5 | |
| 1. **So sánh tình hình phát triển hoạt động ngoại thương giữa Hoa Kì và Nhật Bản**. | 2,0 | |
| \* Giống nhau:  - Tổng giá trị xuất nhập khẩu cao, đứng hàng đầu thế giới  - Cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu:  + Nhập: Chủ yếu là nguyên, nhiên liệu, lương thực thực phẩm, hàng thủ công, mĩ nghệ….  + Xuất: chủ yếu là sản phẩm công nghiệp chế biến, đặc biệt các sản phẩm công nghiệp chất lượng cao.  - Bạn hàng chủ yếu: gồm các nước phát triển và đang phát triển ở khắp các châu lục.  \* Khác nhau:  - Tổng giá trị ngoại thương (tổng giá trị xuất nhập khẩu):  + Hoa Kì có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004 là 2344,2 tỉ USD, đứng thứ nhất trên thế giới, chiếm 12% tổng giá trị ngoại thương của thế giới.  + Nhật Bản có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004 là 1020,2 tỉ USD, đứng thứ 4 thế giới về thương mại.  - Hoa Kì là nước nhập siêu rất lớn (năm 2004, nhập siêu 707,2 tỉ USD), còn Nhật Bản là nước xuất siêu (năm 2004, xuất siêu 111,2 tỉ USD). | 0,25  0,5  0,5  0,5 | |

**Câu 4 ( 4,0 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a.Chính sách dân số triệt để có tác động như thế nào đến dân số Trung Quốc?** | | **1,0** | |
| - Tác động tích cực: Làm giảm nhanh tỉ suất sinh và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển kinh tế. | 0,5 | |
| - Tác động tiêu cực: tác động tiêu cực đến cơ cấu giới tính và về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến nguồn lao động và một số vấn đề xã hội của đất nước. | 0,5 | |
| **b.Qua 50 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã thu được những thành tựu gì?** | | **1,0** | |
| - 10/11 nước đã tham gia ASEAN | 0,25 | |
| - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khối khá cao. Giá trị xuất nhập khẩu tăng. Cán cân xuất nhập khẩu toàn khối dương. | 0,25 | |
| - Đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt các quốc gia thay đổi, cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại. | 0,25 | |
| - Tạo dựng được môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực. | 0,25 | |
| **c.Trình bày đặc điểm nổi bật của công nghiệp Liên bang Nga.** | **2,0** | |
| - Công nghiệp là ngành xương sống của n n kinh tế LB Nga, cơ cấu công  nghiệp ngày càng đa dạng bao gồm các ngành truyên thống và hiện đại. | *0,5* | |
| - Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn của nền kinh tế, hàng  năm mang lại nguồn tài chính lớn cho đất nước. | *0,5* | |
| - Các ngành công nghiệp truyền thống: công nghiệp năng lƣợng, chế tạo máy , luyện kim đen, lu ện kim màu,… Các trung tâm công nghiệp phần lớn tập trung đồng bằng Đông Âu, tại U-ran, Tây Xi-bia và dọc các  đƣờng giao thông quan trọng. | *0,5* | |
| - Hiện nay , tập trung phát triển ngành công nghiệp hiện đại: điện tử - tin học, hàng không, vũ trụ, nguyên tử . Công nghiệp quốc phòng là thế mạnh của LB Nga. Các tổ hợp nà được ph n bố nhi u nơi (vùng Trung U-ran, Xanh Pê-tec-bua,…) | *0,5* | |

**Câu 5 ( 4,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| ***Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.*** | **2,0** |
| *\* Tính:*  **BẢNG: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015.**  *(Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2010** | **2012** | **2013** | **2015** | | In-đô-nê-xi-a | 100,0 | 121,6 | 120,8 | 114,1 | | Xin-ga-po | 100,0 | 122,4 | 127,0 | 123,8 | | Việt Nam | 100,0 | 134,7 | 149,0 | 166,3 |   *\* Vẽ:*  Yêu cầu:  - Vẽ biểu đồ đường*(các dạng biểu đồ khác không cho điểm)*  - Chính xác (giá trị, khoảng cách năm), thẩm mĩ.  - Có tên biểu đồ, chú giải, số liệu. | 0,5  1,5 |
| **Nhận xét.** | **2,0** |
| - Nhìn chung GDP của một số nước khu vực Đông Nam Á đều tăng *(D/c).*  *-*  Việt Nam có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất ( 66,3%), thứ hai là Xin ga po ( 23,8%) và thấp nhất trong 3 nước là In đô nê xi a ( 14,1%)  - Tốc độ tăng trưởng GDP không đều theo từng quốc gia và theo từng giai đoạn *(D/c)* | 0,5  0,5  1,0 |